# PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

*Bùi Ngọc Toàn*[*]

Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hóa thương mại đang là vấn đề nổi bật của kinh tế thế giới hiện nay. Chính đặc điểm này tạo ra sự liên kết và phụ thuộc lẫn nhau càng cao giữa các quốc gia và khu vực. Các định chế và tổ chức kinh tế - thương mại khu vực và quốc tế đã được hình thành để phục vụ cho kinh tế - quốc tế, tạo lập hành lang pháp lý chung và để các nước cùng tham gia vào quá trình giải quyết các vấn đề lớn của kinh tế thế giới mà không một quốc gia nào có thể thực hiện một cách đơn lẻ.

Nhận thức rõ ý nghĩa to lớn của xu thế này, ngay từ năm 1986, Đại hội Đảng VI đề ra chính sách đổi mới; tiếp sau đó là các kỳ Đại hội Đảng VII (1991) Hội nghị Trung ương 3 (khoá VII), Đại hội VIII (1996) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra và phát triển đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá với phương châm "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển" nhằm mục tiêu "giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc". Đến Đại hội Đảng IX (2001), Đảng ta đã nhấn mạnh chủ trương "chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường"[1].

Đặc biệt là ngày 27 tháng 11/2001, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 07 NQ/TW riêng cho vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó nêu rõ mục tiêu, các quan điểm chỉ đạo cũng như những nhiệm vụ cụ thể trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Nghị quyết Trung ương 9 khoá IX (01/2004) cũng nhấn mạnh nhiệm vụ trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX về hội nhập kinh tế quốc tế là *"chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương, song phương nước ta đã ký và chuẩn bị tốt các điều kiện để sớm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)"*.

Chính nhờ vào đường lối, chủ trương đúng đắn đó nên trong những năm qua, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Việt Nam thoát ra khỏi tình trạng bị bao vây, cấm vận, cô lập, tạo dựng được môi trường quốc tế, khu vực thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế trên chính trường và thương trường thế giới.

Về mặt hội nhập kinh tế quốc tế, cho đến nay, Việt Nam đã ký 86 hiệp định thương mại song phương, 46 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư và 40 hiệp định chống đánh thuế hai lần với các nước và vùng lãnh thổ, có quan hệ thương mại với trên 160 nước và nền kinh tế, thiết lập quan hệ với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế, là thành viên của ASEAN, ASEM, APEC... Số đối tác thương mại của các doanh nghiệp cũng đang không ngừng tăng ở gần 220 quốc gia và vùng lãnh thổ. Hàng hóa, dịch vụ Việt Nam đã có mặt trên thị trường của trên 160 nước ở tất cả các châu lục, đặc biệt ở các nước EU, Hoa Kỳ, Canada. Có những mặt hàng đã chiếm tỉ lệ khá lớn trên thị trường quốc tế như dầu thô, gạo, hàng thuỷ sản, cà phê, cao su, quần áo may sẵn[2].

Việt Nam đã thực hiện thành công chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội

---

[*] Chuyên viên chính, Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế – Bộ Ngoại giao

[1] Ngoại giao với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế – bài viết của đồng chí Vũ Dũng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao trên báo Đầu tư nhân dịp 60 năm ngày thành lập ngành Ngoại giao Việt Nam

[2] Đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế – vấn đề và giải pháp – Thứ trưởng Bộ Thương mại Lương Văn Tự, báo Đầu tư điện tử tháng 7/2004

(1991 - 2000); GDP tăng trưởng bình quân 8,2%/năm trong giai đoạn 1991 - 2000, khoảng 7% trong hai năm 2001 và 2002, năm 2003 tăng 7,24%, năm 2004 tăng 7,5% và dự kiến năm 2005 tăng 8,4% và là nước có tốc độ tăng GDP thứ hai thế giới, chỉ đứng sau Trung Quốc...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, một trong những thách thức lớn của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế là làm sao bảo đảm cho hệ thống pháp luật, chính sách quản lý nền kinh tế thị trường phải được thay đổi phù hợp với yêu cầu chuẩn mực chung của quốc tế. Điều này đòi hỏi phải có một quá trình đổi mới tư duy, nhận thức một cách biện chứng về mối quan hệ giữa pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Có thể phân chia thành hai giai đoạn thể hiện xu thế phát triển của hệ thống pháp luật nước ta, gắn liền với chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế.

**I. Giai đoạn 1992 – 2000**

Kể từ khi Hiến pháp 1992 ra đời cho đến năm 2000, hệ thống pháp luật nước ta được xây dựng chủ yếu trên cơ sở nhận thức truyền thống hướng nội, tức là xây dựng một hệ thống bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau được phân định thành các chế định pháp lý và các ngành luật cụ thể nhằm thể chế hoá đường lối của Đảng mà trước hết là phục vụ cho sự phát triển nội tại với sự nghiệp đổi mới, tạo ra các khung pháp lý để thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có định hướng xã hội chủ nghĩa, tiếp tục dân chủ hoá đời sống xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Trong thời gian này, Nhà nước đã tập trung xây dựng khung pháp lý quốc gia trên cơ sở ban hành các văn bản quy phạm pháp luật dưới hình thức luật và pháp lệnh để điều hành quản lý đất nước. Trong giai đoạn này, đã có 68 luật và 82 pháp lệnh được ban hành (nhiệm kỳ khoá IX 1992 – 1997), đã thông qua 36 dự luật, 43 dự án pháp lệnh, nhiệm kỳ khoá X (1997 – 2001) đã thông qua 32 dự luật, 39 dự án pháp lệnh. Trong đó, có nhiều văn bản pháp luật về kinh tế như Luật Phá sản (1993), Bộ luật Dân sự (năm 1995), Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (năm 1994), Luật Doanh nghiệp nhà nước (1995) Luật Hợp tác xã (1996) Luật Ngân sách nhà nước (1996), các luật về thuế cũng như các văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của các chủ thể pháp luật kinh tế như Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế (1994), Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (1995), Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài (1993), Pháp lệnh Công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (1995)...[3]

Nhìn chung, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế - thương mại mà nòng cốt là các luật và pháp lệnh đã được hình thành tương đối đồng bộ, thống nhất và tác động tích cực đến sự phát triển nền kinh tế thị trường nước ta. Pháp luật đã thừa nhận và khuyến khích phát triển các hình thức sở hữu đa dạng, trong đó có hình thức sở hữu tư nhân, thừa nhận nguyên tắc tự do kinh doanh, tự do hợp đồng, tôn trọng và phát huy quyền bình đẳng giữa các chủ thể trong kinh doanh - thương mại phù hợp với truyền thống pháp luật dân sự, khuyến khích và bảo hộ các hoạt động đầu tư trong và ngoài nước, bảo vệ các quyền của các doanh nhân cũng như giảm thiểu sự can thiệp của các cơ quan công quyền bằng những biện pháp hành chính vào hoạt động kinh doanh - thương mại, phù hợp với quy định của nhiều nước trên thế giới.

Tuy nhiên, cũng cần phải thừa nhận là trong giai đoạn 10 năm đổi mới, mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế bước đầu mới chỉ đặt ra một cách chung chung, dàn trải. Mặc dù ta đã gửi đơn xin gia nhập WTO từ năm 1995, nhưng vẫn chưa có những quyết sách và lộ trình cụ thể để trở thành thành viên của tổ chức

[3] Ngô Đức Mạnh, Hoạt động lập pháp của Quốc hội vì một nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Dự án VIE/02/015- Hội nghị thường niên và Diễn đàn đối tác pháp luật, Đà Nẵng 10-11/10/2005

kinh tế quốc tế có quy mô lớn nhất hành tinh này. Do đó, cách tiếp cận của pháp luật quốc gia với hệ thống pháp luật quốc tế trong giai đoạn đó được dựa trên cơ sở áp dụng hai nguyên tắc: *nguyên tắc cần phải tính đến điều ước quốc tế khi xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế khác với quy định của pháp luật quốc gia.*

***1.1. Nguyên tắc tính đến điều ước quốc tế khi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật***

Về mặt pháp lý, nguyên tắc tính đến điều ước quốc tế khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được thể chế hoá tại Luật về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ban hành năm 1996. Nguyên tắc này thể hiện rõ quan điểm của ta trong cách tiếp cận với hệ thống pháp luật quốc tế. Theo đó, các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập sẽ được đưa ra xem xét tham khảo và quyết định chuyển hoá thành quy định của pháp luật. Điều đó có nghĩa là nguyên tắc không đặt ra nghĩa vụ phải chuyển hoá để làm cho pháp luật quốc gia tương thích với chuẩn mực quốc tế, mà cho phép các nhà làm luật dành thế chủ động cho việc xem xét, đánh giá điều ước quốc tế trong tiến trình hoạch định chính sách phát triển pháp luật phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

Hệ quả của cách tiếp cận với pháp luật quốc tế theo nguyên tắc này là đã tạo ra hệ thống pháp luật kinh tế nước ta cùng lúc phát triển theo hai xu hướng vừa độc lập vừa đan xen với pháp luật quốc tế, cụ thể:

Thứ nhất là một số các quy phạm pháp luật nói chung và về kinh tế nói riêng chỉ thuần tuý được xây dựng trên cơ sở chỉ tính đến các điều kiện phát triển cụ thể của đất nước mà chưa tính đến hoặc bỏ qua các yêu cầu chuẩn mực quốc tế mà Việt Nam đã cam kết thực hiện. Vì vậy, trong quá trình vận hành hội nhập kinh tế quốc tế, một bộ phận của pháp luật nước ta dần dần bộc lộ những hạn chế, xung đột so với yêu cầu tham gia hội nhập quốc tế và trở thành rào cản, làm chậm đi tiến trình này. Theo kết quả tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật đợt I được trình Thủ tướng Chính phủ tháng 10 năm 2001, đã có 148 văn bản ban hành trước năm 2000 được rà soát, (26 luật, 19 pháp lệnh, 01 quyết định của Chủ tịch nước, 8 quyết định của Thủ tướng, 54 nghị định và còn lại là các văn bản của các bộ, ngành). Ngoài 39 văn bản được kiến nghị xây dựng mới (8 luật, 11 pháp lệnh, 20 nghị định) và 6 điều ước quốc tế được kiến nghị gia nhập hoặc sửa đổi bảo lưu, đã có 8 văn bản luật được kiến nghị sửa đổi, bổ sung như Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Lao động ...[4] cho phù hợp với chuẩn mực quốc tế nói chung và cụ thể là phù hợp với các cam kết trong Hiệp định Thương mại (BTA) Việt Nam – Hoa Kỳ năm 2000.

Bên cạnh đó, một xu hướng thứ hai khác cũng được hình thành theo hướng: khi xây dựng pháp luật, nhiều quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã được nghiên cứu và chuyển hoá thành nội dung các quy phạm pháp luật của nước ta, bảo đảm sự tương thích của pháp luật trong nước với luật pháp quốc tế trong từng lĩnh vực cụ thể ngay từ khi ban hành.

Trên thực tế, nội dung của nhiều công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã được chuyển hoá thành các quy định của pháp luật. Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Cạnh tranh, Luật Hải quan, Luật Thương mại... có nhiều quy định tương thích với các quy định của Các công ước Bern về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật, Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp. Các nguyên tắc trong Pháp lệnh về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam phù hợp với yêu cầu của Công ước New York năm 1958 mà Việt Nam đã gia nhập. Theo đánh giá của các chuyên gia pháp luật, hiện nay Việt Nam đã có một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ

[4] Báo cáo tổng quan về quá trình triển khai hoạt động rà soát, so sánh các văn bản pháp luật Việt Nam hiện hành so với yêu cầu của Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) và quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) giai đoạn II.

khá đầy đủ và tương đối phù hợp với chuẩn chung của quốc tế...

*1.2. Nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế*

Cùng với việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng tiếp cận ngày càng tích cực với các tiêu chuẩn chung của quốc tế, trong giai đoạn này, chúng ta cũng đẩy mạnh tiến trình hội nhập bằng cách tham gia ngày càng nhiều vào các điều ước quốc tế song phương và đa phương, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế - thương mại. Trong vòng 10 năm, từ 1992 đến 2000, theo thống kê chưa đầy đủ, Việt Nam đã là thành viên của hơn 1200 điều ước quốc tế song phương và gần 90 điều ước quốc tế đa phương, trong đó có hàng trăm hiệp định thương mại, hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, hiệp định chống đánh thuế với các nước và các vùng lãnh thổ... Ngược lại, chính những cam kết quốc tế của Việt Nam, đến lượt mình, lại tác động tích cực đến xu thế phát triển theo hướng hội nhập của pháp luật nước ta.

Ngay từ cuối những năm 80 của thế kỷ trước, quan điểm ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế so với nội luật đã được chính thức ghi nhận trong một số văn quy phạm pháp luật liên quan đến đối ngoại như hoạt động chuyển giao công nghệ, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Theo thời gian, quan điểm này đã trở thành nguyên tắc quan trọng và là một bộ phận thuộc nội dung không thể thiếu của các văn bản quy phạm pháp luật ở tất cả các cấp độ luật, pháp lệnh cũng như các văn bản dưới luật khác.

Dư luận quốc tế đã có những đánh giá cao về việc pháp luật Việt Nam thừa nhận nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế. Điều đó thể hiện rõ lập trường, quan điểm của Việt Nam là tôn trọng thực thi các cam kết quốc tế ngay cả trong trường hợp các cam kết đó khác với chuẩn mực pháp lý của Việt Nam. Điều đó cũng có nghĩa là trong chừng mực nhất định, luật pháp quốc tế đã được Việt Nam thừa nhận như một nguồn luật ngoài hệ thống pháp luật quốc gia và được ưu tiên bổ sung cho pháp luật quốc gia để giải quyết các vấn đề phát sinh trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Nếu như nguyên tắc tính đến điều ước quốc tế khi xây dựng pháp luật là nhân tố bảo đảm cho pháp luật Việt Nam ngày càng tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế về mặt nội dung thì nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế so với nội luật lại là nhân tố bổ sung nhằm bảo đảm chuẩn mực quốc tế vẫn được tôn trọng một khi pháp luật quốc gia chưa thể tiếp cận với pháp luật quốc tế. Đây cũng là cách tiếp cận pháp luật quốc tế tương đối phổ biến của những nước bắt đầu tham gia hội nhập kinh tế quốc tế bởi tính phù hợp của nó với trình độ phát triển nội tại của quốc gia.

Có thể thấy, trong giai đoạn 10 năm đổi mới từ 1992 đến 2000, với hai nguyên tắc tiếp cận với hệ thống pháp luật quốc tế, pháp luật nói chung và pháp luật kinh tế nói riêng của nước ta được phát triển theo xu hướng mở có chọn lọc, phù hợp với chính sách hội nhập quốc tế đã được Đảng ta hoạch định. Điều đó đã góp phần không nhỏ vào sự thành công của công cuộc đổi mới của Việt Nam trong giai đoạn từ 1992 đến 2000.

**2. Giai đoạn từ 2001 đến nay**

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua đã có những bước phát triển quan trọng. Xuất phát từ nhu cầu thực tế phải nỗ lực hòa nhập vào nền kinh tế thế giới để phá thế bị bao vây, cô lập nền kinh tế Việt Nam ở những năm đầu thập kỷ 90, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đến nay đã mang một sắc thái mới. Chúng ta tích cực, chủ động để mở rộng thị trường ra nước ngoài và từng bước khẳng định vai trò của đất nước trong nền kinh tế khu vực và quốc tế. Việt Nam đã trải qua giai đoạn thực hiện các cam kết ban đầu, đến nay quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang ngày càng đi vào chiều sâu, việc thực hiện các cam kết trong giai đoạn mới chắc chắn sẽ có những ảnh hưởng sâu sắc tới nền kinh tế quốc dân.

Ngay sau khi Bộ Chính trị ra Nghị quyết 07 NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế, ngày 14 tháng 3 năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 37/2002/QĐ-TTg ban hành

Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết quan trọng đó. Chương trình này chính là một bước triển khai định hướng của Bộ Chính trị để nước ta tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ mới, với 10 nội dung chính như sau:

*- Công tác tư tưởng, thông tin, tuyên truyền;*

*- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung pháp luật, cơ chế, chính sách kinh tế thương mại.*

*- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao khả năng cạnh tranh;*

*- Tổng kết và hoàn thiện chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế ;*

*- Đào tạo nguồn nhân lực;*

*- Kết hợp hoạt động chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại;*

*- Nhiệm vụ củng cố an ninh quốc phòng;*

*- Đàm phán gia nhập WTO;*

*- Mở rộng thị trường xuất khẩu, tranh thủ đầu tư và trợ giúp kỹ thuật của các nước và các tổ chức quốc tế;*

*- Kiện toàn tổ chức*[5].

Chương trình này đặc biệt nhấn mạnh: muốn chủ động hội nhập một cách hiệu quả thì Việt Nam phải chuẩn bị đủ những điều kiện cần thiết và một trong những điều kiện đó là phải xây dựng và điều chỉnh hệ thống pháp luật đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế thị trường mà chúng ta đang hướng tới và phải phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam. Chương trình hành động của Chính phủ đã giao cho Bộ Tư pháp trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan của Quốc hội và Chính phủ rà soát lại hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế, chính sách hiện hành để xây dựng, sửa đổi và ban hành mới các văn bản cho phù hợp với chủ trương của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kỳ mới và ấn định thời gian hoàn thành là trong quý III năm 2002.

Như vậy, bắt đầu từ năm 2001, các biện pháp tổng thể để thực hiện mục tiêu hội nhập đã được Đảng và Nhà nước đặt ra một cách rất cụ thể và đồng bộ. Trong giai đoạn này, pháp luật Việt Nam tiếp tục phát triển theo xu hướng hội nhập, nhưng có những chuyển biến mạnh mẽ về chất. Bên cạnh các nguyên tắc tiếp cận với các chuẩn quốc tế, trong giai đoạn này cũng hình thành thêm một số nguyên tắc ứng xử của pháp luật quốc gia.

***2.1. Nguyên tắc tương thích của pháp luật quốc gia với chuẩn mực của luật pháp quốc tế***

Quan niệm truyền thống phát triển pháp luật hướng nội không còn được nhấn mạnh trên lĩnh vực pháp luật kinh tế. Thay vào đó là chủ trương chủ động sửa đổi, bổ sung pháp luật cho phù hợp với quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam quan tâm trở thành thành viên. Có thể nói, trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, nguyên tắc cần tính đến điều ước quốc tế khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được dần dần nhường chỗ cho nguyên tắc tương thích của pháp luật quốc gia về kinh tế với các chuẩn mực chung của pháp luật quốc tế. Đây là bước chuyển biến to lớn về cách thức tiếp cận của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế, thể hiện sự tương đồng, không chia cắt về những quy tắc ứng xử chung giữa hai hệ thống pháp luật, phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế cần phải dựa trên các chuẩn chung quốc tế được thể chế hoá thành pháp luật kinh tế quốc gia.

Bước ngoặt có tính chất đột phá mở đầu cho sự tiếp tục phát triển của pháp luật nước ta là sự kiện ký kết BTA Việt Nam - Hoa Kỳ năm 2000. Lần đầu tiên trong một điều ước quốc tế song phương, Việt Nam đã cam kết trong một thời gian nhất định, chủ động sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật liên quan đến kinh tế, thương mại cho phù hợp với các chuẩn mực của BTA Việt Nam - Hoa Kỳ. Ý nghĩa của cam kết này đã vượt ra ngoài khuôn khổ quan hệ thương mại giữa hai nước. Thực hiện tốt cam kết đó cũng chính là mở đầu cho việc thực hiện các yêu cầu tối thiểu của điều kiện gia nhập WTO.

[5] Bài phát biểu của ông Nguyễn Quốc Huy, phó chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ tại cuộc họp phổ biến Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện NQ 07/NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 17/11/2001 về hội nhập kinh tế

Thực tiễn xây dựng pháp luật nước ta kể từ Quốc hội Khoá XI cho thấy, bắt đầu từ nhiệm kỳ XI, Quốc hội đã thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội và Uỷ ban thường vụ Quốc hội dài hạn và hàng năm với mục tiêu ưu tiên ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản luật, pháp lệnh liên quan đến phát triển kinh tế. Nhiều văn bản luật, pháp lệnh và nghị quyết liên quan đến lĩnh vực kinh tế đã được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu chuẩn mực quốc tế.

Đặc biệt ngay sau khi Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX (01/2004) được ban hành, công tác xây dựng pháp luật của Quốc hội đã có những chuyển biến rõ rệt về số lượng và chất lượng văn bản được thông qua; trung bình mỗi kỳ họp, Quốc hội thông qua từ 8 đến 10 luật. Đặc biệt trong kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2005) vừa qua, Quốc hội đã thông qua 15 luật, trong đó có những luật liên quan đến kinh tế như Bộ luật Dân sự (sửa đổi), Luật Dược, Luật Đường sắt Việt Nam, Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế, Luật Kiểm toán nhà nước, Luật bổ sung một số điều của Luật Hải quan, Luật Du lịch, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản. Đây là một cố gắng rất lớn của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội và của các cơ quan tổ chức trình dự án nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2005) Quốc hội đã thông qua 15 dự án luật, trong đó có Luật Đầu tư (chung), Luật Doanh nghiệp (chung), Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi), Luật Hối phiếu, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Giao dịch điện tử, Luật Về nhà ở, Luật Chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. Quốc hội cũng đã cho ý kiến đối với 9 dự án luật như Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam (sửa đổi), Bộ luật Thi hành án, Luật Điện ảnh, Luật Đăng ký bất động sản, Luật Luật sư. Ngoài những pháp lệnh liên quan đến kinh tế thương mại đã được thông qua như Pháp lệnh về đối xử tối huệ quốc và đối xử quốc gia trong quan hệ thương mại, Pháp lệnh về biện pháp tự vệ trong thương mại quốc tế, Pháp lệnh về trọng tài thương mại, Pháp lệnh về quảng cáo, Pháp lệnh về chống phá giá; cuối năm 2005, UBTVQH sẽ xem xét, thông qua 14 dự án pháp lệnh, trong đó có các pháp lệnh liên quan đến kinh tế như Pháp lệnh sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính, Nghị quyết về giao dịch dân sự về nhà ở có yếu tố nước ngoài được xác lập trước ngày 1/7/1991, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ đình công, Pháp lệnh Thủ tục bắt giữ tàu biển, Pháp lệnh Lý lịch tư pháp, Pháp lệnh về án phí, lệ phí tại tòa án nhân dân, Pháp lệnh Tiêu chuẩn hóa, Pháp lệnh Ngoại hối, Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Có nhiều luật quan trọng đã được ban hành trước đây như Luật Thương mại, Bộ luật Dân sự, Luật Hải quan... đều được Quốc hội đưa ra sửa đổi cho phù hợp với các chuẩn mực của BTA Việt Nam - Hoa Kỳ và WTO. Đặc biệt là Luật Khiếu nại, tố cáo, mặc dù vừa được sửa đổi năm 2004, nhưng vẫn được đưa vào chương trình xây dựng luật năm nay để tiếp tục sửa lại một số điều cho phù hợp với yêu cầu của cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO.

Thông qua hoạt động xây dựng pháp luật của Quốc hội và UBTVQH trong năm 2005, có thể thấy được những nỗ lực to lớn và quyết tâm vững chắc của Đảng và Nhà nước ta trong việc thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta nói chung và sớm trở thành thành viên của WTO nói riêng.

Theo đánh giá của các chuyên gia pháp lý trong và ngoài nước thì những sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội nhiệm kỳ 2002 -2007, hệ thống pháp luật của nước ta, nhìn chung tương đối phù hợp với các yêu cầu của BTA Việt Nam - Hoa Kỳ và WTO, trên các lĩnh vực như nguyên tắc đối xử tối huệ quốc và đối xử quốc gia, thương mại

hàng hoá, thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ, đầu tư, tính minh bạch, công khai và cơ chế giải quyết tranh chấp.

*2.2 Nguyên tắc áp dụng trực tiếp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*

Như trên đã phân tích, xu thế hội nhập pháp luật kinh tế quốc gia với pháp luật quốc tế là hệ quả tất yếu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của các nước trên thế giới. Quốc gia tham gia càng nhiều vào các quan hệ quốc tế, các điều ước quốc tế thì pháp luật quốc gia sẽ dần "hội nhập" với luật pháp quốc tế. Trong năm năm, từ 2001 đến 2005, chúng ta đã ký kết gần 700 điều ước quốc tế song phương và 130 điều ước quốc tế đa phương, tăng gần gấp rưỡi so với số điều ước quốc tế được ký kết trong giai đoạn 10 năm trước đó. Việc năm 2001 Việt Nam gia nhập Công ước Viên năm 1969 về Luật điều ước càng thể hiện rõ quyết tâm của Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Gia nhập Công ước Viên năm 1969, Việt Nam cam kết thực hiện nguyên tắc Pacta Sunt Servanda (nguyên tắc tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế), nguyên tắc không thể viện dẫn pháp luật quốc gia để từ chối thực hiện cam kết quốc tế. Hơn thế, ngày 14/6/2005, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế. Với tư cách là một đạo luật chuyên ngành, Quốc hội đã chuyển hoá hầu hết các quy định của Công ước Viên 1969 về điều ước thành nội dung của Luật. Điều 6 khoản 1 của Luật một lần nữa khẳng định nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế của Việt Nam trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh khi thực hiện các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam. Đây cũng là một bằng chứng cụ thể, thể hiện quyết tâm của nước ta bảo đảm tôn trọng các thoả thuận quốc tế bằng việc thể chế hoá thành các định chế pháp lý cụ thể.

Tôn trọng và phát huy nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế so với nội luật là một chủ trương rất đúng đắn, phù hợp với yêu cầu chung của hội nhập kinh tế quốc tế và được rất nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế đồng tình ủng hộ. Tuy nhiên, nguyên tắc này còn mang tính thụ động, áp dụng cho những trường hợp đơn lẻ khi phát sinh những yêu cầu hay tranh chấp hoặc khiếu nại quốc tế cụ thể. Do đó, song song với việc kiên trì theo đuổi và phát triển nguyên tắc này, Việt Nam còn tiến thêm một bước xa hơn trong việc tiếp cận với các cam kết quốc tế. Lần đầu tiên Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 đã thừa nhận một nguyên tắc mới bổ sung cho nguyên tắc pháp luật kinh tế quốc gia phải tương thích với pháp luật kinh tế quốc tế. Đó là nguyên tắc áp dụng trực tiếp các điều ước quốc tế trong trường hợp nội dung của điều ước đã cụ thể, rõ ràng bằng quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Về bản chất, đây chính là hình thức "nội luật hoá" toàn bộ hoặc một phần nội dung của điều ước quốc tế thông qua một quyết định chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo nguyên tắc này, Nhà nước không cần phải thực hiện các thủ tục "chuyển hoá điều ước quốc tế" bằng việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật truyền thống theo quy định của Luật, vừa phức tạp, kéo dài và tốn kém, mà chỉ cần ra quyết định thừa nhận toàn bộ hoặc một phần nội dung của một điều ước quốc tế nào đó và hệ quả của nó là nội dung của điều ước quốc tế trở thành bộ phận của hệ thống pháp luật quốc gia, được thực hiện, dẫn chiếu, áp dụng như các quy định của pháp luật quốc gia. Lúc này, trong điều kiện như vậy, dường như không thể phân biệt một cách rạch ròi đâu là pháp luật quốc gia và đâu là luật pháp quốc tế. Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của pháp luật quốc gia trong giai đoạn hiện nay đã có những biến chuyển to lớn hơn bao giờ hết.

Tóm lại, từ năm 1992 đến nay, trải qua các giai đoạn phát triển, hệ thống pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật kinh tế nước ta nói riêng ngày càng có xu thế phù hợp với các chuẩn mực chung của quốc tế. Xu thế hội nhập quốc tế của pháp luật nước ta dựa trên cơ sở các nguyên tắc tiếp cận của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế được Đảng và Nhà nước phát triển, phù hợp với điều kiện đặc thù của từng giai đoạn cụ thể của nền kinh tế đất nước, vừa bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tốc độ, quy mô hội nhập, lợi ích của quốc gia, giữ vững độc

lập, chủ quyền, an ninh quốc gia và tăng cường vị thế của Việt Nam trên thương trường quốc tế. Đây cũng là quan điểm chỉ đạo quan trọng của Đảng đã được nêu ra trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Trong đó nhấn mạnh: "Từ nay đến năm 2010 và các năm tiếp theo, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung vào một số lĩnh vực pháp luật kinh tế trọng điểm, đáp ứng kịp thời yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế", đồng thời, "tạo môi trường pháp lý cho cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, phù hợp với nguyên tắc của WTO và các cam kết quốc tế khác".

### 3. Những giải pháp đẩy nhanh tiến trình hội nhập

Nghiên cứu quá trình phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam trong gần 15 năm qua cho thấy, mặc dù chúng ta có những định hướng về đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế kịp thời, đúng đắn, nhưng nếu không xây dựng được các chương trình hành động tổng thể đồng bộ, cụ thể và khả thi cũng như có sự chỉ đạo thực hiện quyết liệt các chương trình đó thì không thể có những bước tiến mang tính đột phá, nhanh chóng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay ở nước ta. Vì vậy, song song với việc xây dựng các chính sách về hội nhập, cần phải xây dựng lộ trình thực hiện chính sách bằng pháp luật. Những gì hôm nay chúng ta đã đạt được trong việc hướng hệ thống pháp luật quốc gia "hội nhập" với chuẩn mực quốc tế mới chỉ là một bước khởi đầu. Vấn đề cần tiếp tục phải làm để bảo đảm sự tương thích của pháp luật quốc gia với luật pháp quốc tế là khẩn trương ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hoá và hướng dẫn thi hành các luật và pháp lệnh. Đây là một nhiệm vụ rất nặng nề được giao cho Chính phủ với vai trò là cơ quan chấp hành cao nhất của Quốc hội, là cơ quan hành pháp cao nhất trong hệ thống hành chính nhà nước. Trong quá trình đàm phán gia nhập WTO, các đối tác đàm phán quan tâm về hệ thống pháp luật Việt Nam không chỉ ở cấp độ luật, pháp lệnh mà toàn bộ hệ thống và sự vận hành của cả hệ thống này trên thực tế, kể cả các phán quyết, bản án của toà án cũng như các phán quyết của trọng tài kinh tế Việt Nam trong cơ chế giải quyết tranh chấp, khiếu nại cũng như tính công khai, minh bạch của nó. Để thực hiện được điều này, Chính phủ phải có các biện pháp mạnh mẽ và kiên quyết trong việc tiếp tục chương trình rà soát văn bản quy phạm pháp luật kinh tế trong sự đối chiếu với các chuẩn mực của WTO để có thể đưa ra các quyết định chính xác trong việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành các văn bản pháp luật mới, tạo nên sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam.

Đồng thời, cũng cần phải khẩn trương xây dựng và hoàn thiện cơ chế thực thi nguyên tắc áp dụng trực tiếp điều ước quốc tế nhằm khắc phục tình trạng chuyển hoá pháp luật quốc tế vào pháp luật quốc gia vừa tốn kém, phức tạp và kéo dài, tạo cơ hội cho tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế được nhanh hơn, đơn giản hơn và hiệu quả hơn.

Một vấn đề khác cũng cần phải tiếp tục thực hiện trong thời gian tới là làm sao để các doanh nhân nói riêng và toàn bộ nhân dân nói chung có thể hiểu và nắm bắt được các yêu cầu cơ bản của pháp luật quốc gia cũng như yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế và khi chúng ta gia nhập WTO, cả những thuận lợi lẫn thách thức của việc gia nhập WTO mà Việt Nam phải đối mặt, từ đó, chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện để có thể "chơi chung trên một sân chơi quốc tế" mà không bị hụt hẫng, thua thiệt, thất vọng. Trong vấn đề này, Nhà nước với tư cách là thành viên của WTO, Tổ chức Thương mại quốc tế lớn nhất hành tinh phải giữ vai trò trung tâm điều phối, giúp đỡ, hướng dẫn các doanh nghiệp ngăn ngừa và giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế, đặc biệt là các vụ kiện chống phá giá, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và của các doanh nghiệp.